

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
Về đất, nhà, công trình xây dựng, cây trồng bị thiệt hại của ông Trần Đình Ân
thuộc dự án Tăng cường khả năng Thoát lũ Suối Rạt

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2026 của UBND phường)

I. Thông tin về chủ sử dụng đất; diện tích đất thu hồi:

1) Tên chủ sử dụng đất:

Họ tên: ông Trần Đình Ân; năm sinh: 1971; CCCD số: 046071002099;
Địa chỉ thường trú: Bàu Ké, Đồng Phú, Đồng Nai.

2) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

a) Vị trí đất: Thôn Bàu Ké, xã Đồng Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Thông báo thu hồi đất số: 86/TB-UBND ngày 26/8/2025 của UBND xã Đồng Phú.

- Tờ bản đồ số: TĐ48-2024; Thửa số: 5.

b) Diện tích đất thu hồi: 492,7 m².

c) Loại đất (MĐSDĐ): Đất trồng cây lâu năm

- Giá đất bồi thường: Vị trí 2: 102.000 đồng/m²

- Giá đất tại bảng giá đất: 75.000 đồng/m² (áp dụng để tính tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm)

d) Nguồn gốc đất: Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thửa đất số: 36; Tờ bản đồ số: 22; Diện tích: 10713,6 m²; GCN số: CS 04145/Thị trấn Tân Phú; cấp ngày 16/9/2016.

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ:

1. Giá trị bồi thường về đất:										50.255.400
TT	Tờ BĐ	Số thửa	DT đất thu hồi (m ²)		Đơn giá đất BT (đồng/m ²)		Giá trị bồi thường về đất (đồng)			Ghi chú
			ONT	CLN	ONT	CLN	Tiền bồi thường đất ở	Tiền bồi thường đất NN	Tổng tiền bồi thường về đất	
			a	b	c	d	e = a*c	g = b*d	h = e+g	
1	TĐ48	5		492,7		102.000		50.255.400	50.255.400	Căn cứ thông báo số 42/TB-VPĐK.ĐP ngày 03/02/2026 của chi nhánh VPĐK ĐĐ Đồng Phú xác định vị trí đất thuộc vị trí 2, khu vực nông thôn.
2. Giá trị bồi thường cây trồng:										850.568

TT	Loại cây trồng	Số lượng (cây)	Số lượng cây bồi thường	Năm trồng, quy cách	Đơn giá	Tiền BT	Ghi chú
			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*c</i>	
	Cây xà cừ	2	2	D=12cm	425.284	850.568	Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 được sửa đổi, điều chỉnh tại Quyết định 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai <i>Cây xà cừ thuộc cây gỗ nhóm III</i>
3. Giá trị hỗ trợ ổn định đời sống:							810.000
TT	Tổng số nhân khẩu	Số tháng hỗ trợ/ 1 nhân khẩu	Số gạo hỗ trợ trong 1 tháng (kg)	Đơn giá gạo (đ/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú	
	<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e = a*b*c*d</i>		
1	1	3	15	18.000	810.000	Căn cứ công văn số 20/UBND-KT của UBND xã Đồng Phú ngày 19/12/2025 xác nhận hộ ông Trần Đình Ân có diện tích đất nông nghiệp thu hồi dưới 30% trên tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn xã.	
4. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:							55.428.750
TT	Tờ BD	Số thửa	Diện tích đất CLN	Đơn giá theo Bảng giá đất	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ	Ghi chú
			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*b*c</i>	
1	TĐ48	5	492,7	75.000	1,5	55.428.750	* Căn cứ công văn số 20/UBND-KT của UBND xã Đồng Phú ngày 19/12/2025 xác nhận ông Trần Đình Ân đang sử dụng và có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất thu hồi. Đồng thời không thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2025 của chính phủ.
5. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (1+2+3+4):							107.344.718
6. Tiền khen thưởng: Được chi trả sau khi bàn giao mặt bằng trước thời hạn theo thông báo của đơn vị tổ chức thực hiện nhiệm vụ GPMB							12.000.000
7. Tổng số tiền (5+6): Một trăm mười chín triệu, ba trăm bốn mươi bốn ngàn, bảy trăm mười tám đồng.							119.344.718